

Bản án số: **189/2019/HNGĐ**

Ngày: 29/3/2019

“Về việc Tranh chấp ly hôn; nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đăng Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đỗ Ngọc Đức**

2. Bà Đặng Thị Nhác

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Hồng Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thanh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 1989

HKTT: số 128 phố N, tổ 19 phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội

Cư trú: Phòng 704 tầng 7 tòa A1D1 khu đô thị Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Công nhân công ty cổ phần giấy H **(Có mặt)**

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1985

HKTT và cư trú: Tổ 19 phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

Nghề Nghiệp: Công nhân công ty cổ phần giấy H **(Có mặt)**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/01/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị Tuyết M trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thành T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường

Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội vào ngày 14/9/2010. Sau khi cưới, vợ chồng về ở tại số 128 tổ 19 phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi chị M sinh con được khoảng 4, 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ham mê cờ bạc rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình một mình chị M phải gánh vác. Nhiều lần đi chơi về, anh T hỏi vay tiền nhưng chị M không cho vay thì anh T quay ra chửi đánh chị thâm tím mặt mày, nhưng chị M vẫn cam chịu, không báo chính quyền địa phương vì muốn giữ thể diện cho chồng và gia đình nhà chồng nên không làm lớn chuyện. Năm 2017 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị M cũng đã dọn ra ngoài ở, tuy nhiên vì thương con nên hai tháng sau chị lại quay về với hy vọng anh T sẽ thay đổi, sửa chữa lỗi lầm. Khi về nhiều lần chị M nói chuyện khuyên bảo anh T thay đổi nhưng anh T không nghe mà vẫn thường xuyên chửi đánh chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 01/2019, do không thể tiếp tục chung sống được với anh T nữa nên chị M đã dọn ra ngoài ở, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà A – sinh ngày 10/4/2011. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Hà A vì con chung là con gái rất cần có sự chăm sóc, dạy dỗ cận kề của mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị đề nghị anh T cấp dưỡng 01 (Một triệu) đồng một tháng để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Vũ Thị Tuyết M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội vào ngày 14/9/2010. Sau khi cưới, anh chị về ở cùng bố mẹ đẻ của anh tại số 128 tổ 19 phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, cách làm ăn, duy trì hạnh phúc, anh thừa nhận có mâu thuẫn nên thường xảy ra tranh cãi. Tuy cũng đã nhiều lần chị bỏ đi, anh phải thuyết phục chị M quay trở về để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng đến lần này chị M kiên quyết không quay về. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà A – sinh ngày 10/4/2011. Ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị M đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ nguyên tắc xét xử, thực hiện đúng trình tự tố tụng. Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung: xác định có mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ: Điều 55, điều 81, điều 82, điều 83 Luật HNGĐ và các điều: 28, điều 220, điều 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTV Quốc Hội quy định án lệ phí Tòa án.. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Vũ Thị Tuyết M đối với anh Nguyễn Thành T. Con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Nguyễn Hà A – sinh ngày 10/4/2011 cho chị M chăm sóc và nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng hàng tháng 1 triệu đồng cho con chung đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị M phải chịu án phí ly hôn.

Tài sản chung, công nợ: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Tuyết M thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án được căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội vào ngày 14/9/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp, thường xuyên cãi vã, thậm chí dẫn đến xô xát. Anh T sau các lần mâu thuẫn cũng không có giải pháp thay đổi cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị Tuyết M đối với anh Nguyễn Thành T là phù hợp với quy định với thực tế và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T tự nguyện đồng ý ly hôn. Như vậy Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn này của hai bên theo điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.2 Về con chung: Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thành T có 01 con chung là Nguyễn Hà A – sinh ngày 10/4/2011. Việc anh chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là nhằm thực hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, để giao con chung cho ai trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, HĐXX phải xem xét đến nguyện vọng của con chung nếu con chung từ 07 tuổi trở lên và đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các con chung.

Xét điều kiện thực tế, chị M có thu nhập ổn định, có chỗ ở rõ ràng, con chung Hà Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác con chung của anh chị là con gái sinh ngày 10/4/2011 nay đang trong độ tuổi cần sự quan tâm của người mẹ, nên HĐXX thấy cần giao cháu Hà Anh cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh T cấp dưỡng cho con chung theo mức chị M yêu cầu là 01 triệu đồng/một tháng là phù hợp.

2.3 Về tài sản chung: Không có, nên không xét.

- Về công nợ chung: Không có, nên không xét.

2.4 Về án phí: Chị M, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.5 Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức thu án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thành T. Chị Vũ Thị Tuyết M và anh Nguyễn Thành T không còn quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hà A – sinh ngày 10/4/2011 cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là :1.000.000đ(Một triệu), kể từ tháng 4/2019 cho đến khi con thành niên 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Không ai được cản trở quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3.Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Anh T, chị M xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4.Về án phí: Chị Vũ Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Vũ Thị Tuyết M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 1206 ngày 24/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M, anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường Long Biên, quận Long Biên, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đăng Vĩnh